TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20-3-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Viết Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số 15/TB-TA ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị D; nơi đăng ký thường trú: Thôn PhTr1, xã HT, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Thôn N, xã HH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T; nơi cư trú: Thôn PhTr1, xã HT, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2023, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Phạm Thị D trình bày:

Chị và anh Lê Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày

28/01/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được T1g nói chung trong tình cảm, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không tôn trọng nhau. Mặc dù đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Lê Văn H, sinh ngày 31/12/2006 và Lê Anh T1, sinh ngày 01/8/2010. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Văn T vắng mặt T bộ quá trình tố tụng tại Toà án nhưng tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 10/01/2024, anh T trình bày:

Anh xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn như nội dung chị D trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, chị D đã nhiều lần xin ly hôn với anh. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh và chị D có 02 con chung là Lê Văn H, sinh ngày 31/12/2006 và Lê Anh T1, sinh ngày 01/8/2010. Trường hợp ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp nuôi con là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Phạm Thị D được ly hôn anh Lê Văn T; về con chung: Giao con chung là Lê Văn H, sinh ngày 31/12/2006 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung là Lê Anh T1, sinh ngày 01/8/2010 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị D và anh T không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung và nợ chung:

Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Phạm Thị D có đơn xin ly hôn với anh Lê Văn T có nơi cư trú tại xã HT, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo; Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần 2 anh T vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, T1 hành xét xử vắng mặt anh T và chị D.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị D và anh Lê Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 28/01/2005. Như vậy, hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D xin ly hôn nhưng anh T không đồng ý ly hôn. Tòa án đã T1 hành hòa giải nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, qua xác minh tại địa phương xác định được giữa chị D và anh T có xảy ra mâu thuẫn, chị D cũng đã nhiền lần xin ly hôn với anh T từ đó xác định được mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị D xin ly hôn anh Lê Văn T.

[4] Về con chung: Chị D và anh T đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Lê Văn H, sinh ngày 31/12/2006 và Lê Anh T1, sinh ngày 01/8/2010. Khi ly hôn, cả chị D và anh T đều có nguyen vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét thấy, cả 02 con chung của chị D và anh T đều đã trên 07 tuổi, cháu H có nguyện vọng được ở với bố, cháu T1 có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác,

cả chị D và anh T đều có việc làm có thu nhập và có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung tốt. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử, căn cứ quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con chung Lê Văn H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Lê Anh T1 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con, do chị D và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh T không yêu cầu nên không xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu T bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị D được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Văn H, sinh ngày 31/12/2006 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung Lê Anh T1, sinh ngày 01/8/2010 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu, không xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị D đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0009213 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Chị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị D và anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã HT, huyện VB;
- Đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Vịnh